UỶ BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 1.3: THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Kèm theo Đề án số 08/ĐA-UBND ngày 14/8/2026 của Ủy ban nhân dân phường Nam Định)

STT	Tên trường THCS	Diện tích đất (m2)	Số điểm trường	Phòng học					Khối phòng học tập																	Khối phòng hành chính quản trị						Nhà vệ sinh						Khối phòng hỗ trợ học tập					Khối phụ trợ								Khối phục vụ sinh hoạt (nếu có)							Khu sân chơi, thể dục thể thao					Ghi chú
				Tổng số	Trong đó		Số phòng nhờ, mượn, thuê	Số phòng còn thiếu	Phòng học bộ môn Âm nhạc		Phòng học bộ môn Mỹ thuật		Phòng học bộ môn Công nghệ		Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên		Phòng học bộ môn Khoa học xã hội		Phòng học bộ môn Tin học		Phòng học bộ môn Ngoại ngữ		Phòng đa chức năng		Số phòng còn thiếu	Phòng Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng	Văn phòng	Phòng bảo vệ	Khu để xe của CB, GV, NV	Nhà công vụ (phòng)	Nhà vệ sinh dành cho CB, GV, NV			Nhà vệ sinh dành cho học sinh			Thư viện	Phòng thiết bị giáo dục	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật	Phòng truyền thống	Phòng Đoàn, Đội	Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên	Phòng các tổ chuyên môn	Phòng nghỉ giáo viên	Phòng giáo viên	Phòng Y tế trường học	Nhà kho	Khu để xe học sinh	Cổng, hàng rào	Nhà bếp	Kho bếp	Nhà ăn	Nhà ở nội trú học sinh	Phòng quản lý học sinh	Phòng sinh hoạt chung	Nhà văn hóa	Nhà đa năng	Sân chung	Sân thể dục thể thao	Sân bóng đá	Bể bơi	
					Kiên cố	Bán kiên cố			Tổng số	Kiên cố	Tổng số	Kiên cố	Tổng số	Kiên cố	Tổng số	Kiên cố	Tổng số	Kiên cố	Tổng số	Kiên cố	Tổng số	Kiên cố	Tổng số	Kiên cố								Tổng số nhà vệ sinh	Diện tích	Số nhà vệ sinh bảo yêu cầu	Tổng số nhà vệ sinh	Diện tích	Số nhà vệ sinh bảo yêu cầu theo quy định																										
1	Tô Hiệu	3.149	1	11	11	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	2	1	1	0	1	1	0	2	43	2	4	86	4	1	2	0	1	0	1	0	1	0	1	0	4	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	
2	Phùng Chí Kiên	11.091	1	35	35	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	5	1	2	1	1	1	0	6	42	6	8	80	8	1	0	1	1	1	1	0	0	1	1	0	2	2	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	
3	Trần Đăng Ninh	7.594	1	34	34	0	0	0	1	1	1	1	0	0	3	3	0	0	2	2	0	0	0	0	5	1	2	1	2	1	0	7	102	7	12	192	12	1	0	1	1	1	1	3	0	2	1	5	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	
4	Lý Thường Kiệt	3.200	1	16	16	0	0	0	1	1	0	0	0	0	3	3	0	0	1	1	0	0	0	0	6	1	1	1	1	1	0	1	20	1	1	40	1	1	1	0	1	1	1	1	0	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	
5	Trần Bích San	6.009	1	18	18	0	0	4	0	0	0	0	0	0	3	3	0	0	1	1	0	0	0	0	6	1	1	1	1	1	0	3	45	3	3	45	3	1		0	0	1	1	2	0	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	
6	Hoàng Văn Thụ	7.500	1	35	35	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	7	1	2	2	1	1	0	1	60	1	1	160	1	1	0	1	1	1	1	3	0	0	1	1	2	2	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	
7	Hàn Thuyên	13.671	1	37	37	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	8	1	2	1	1	2	0	6	60	0	24	240	0	0	3	1	0	1	1	0	0	2	1	0	1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	
8	Tống Văn Trân	8.987	2	29	29	0	0	1	0	0	0	0	0	0	3	3	0	0	2	2	0	0	1	1	7	2	1	1	2	2	0	5	68	3	6	272	4	2	1	1	1	1	2	2	1	0	2	1	2	2	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0	
9	Lương Thế Vinh	3.321	1	28	28	0	0	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8	1	1	1	1	1	0	2	25	2	12	25	12	1	1	0	0	0	1	0	0	0	1	1	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	
10	Lộc Vượng	4.892	1	12	12	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	0	2	15		2	20		0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	
11	Mỹ Phúc	9.515	1	14	14	0	0	5	1	1	0	0	1	1	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	5	1	1	0	1	1	0	1	6	1	2	56	2	1	1	0	0	0	1	2	0	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	
Tổng số:		**78.928**	**12**	**269**	**269**	**0**	**0**	**20**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**14**	**14**	**1**	**1**	**11**	**11**	**1**	**1**	**1**	**1**	**59**	**12**	**15**	**10**	**13**	**13**	**0**	**36**	**486**	**26**	**75**	**1216**	**47**	**10**	**9**	**5**	**6**	**7**	**11**	**13**	**2**	**5**	**12**	**11**	**21**	**17**	**2**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3**	**12**	**5**	**0**	**0**	